

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 290/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2022

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Văn Cường**

2. Ông **Trần Trung Nhân**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Cao Trần Khắc Huy** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.**

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 532/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 về “tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Hồ Thanh T** sinh năm: 1968

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Mỹ H** sinh năm: 1974

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21 tháng 7 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Hồ Thanh T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ H tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng ông sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên ông và bà H sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay, không có trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà H. Về con chung: ông và bà H có 02 con chung tên Hồ Nguyễn Anh T, sinh năm 2001 đã trưởng thành và Nguyễn Hồ Minh P, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2007 hiện đang sống với bà H, nay ông đồng ý để bà H nuôi con nhỏ là Nguyễn Hồ Minh P, ông xin không cấp dưỡng nuôi con, còn

con lớn là Hồ Nguyễn Anh T đã trưởng thành nên ông không có yêu cầu gì. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tự khai đề ngày 20 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: Bà và ông Hồ Thanh T là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2001, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng bà sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T có quan hệ tình cảm với người khác nên bà và ông T sống ly thân từ đó đến nay. Nay ông T xin ly hôn bà đồng ý. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung như ông T trình bày, hiện đang sống với bà, ly hôn tùy nguyện vọng của con muốn sống với ai cũng được. Về tài sản chung và nợ chung: không tranh chấp.

Tại phiên tòa ông T, bà H vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt) nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T, bà H là phù hợp điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Hồ Thanh T khởi kiện bà Nguyễn Thị Mỹ H về việc xin ly hôn. Bà H cư trú tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Thanh T và bà Nguyễn Thị Mỹ H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001. Trong quá trình chung sống ông T, bà H xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ tháng 10 năm 2017 như ông T, bà H trình bày nên ông T yêu cầu ly hôn, bà H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu ông T. Xét thấy ông T và bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn (có xác nhận của chính quyền địa phương). Tuy ông T và bà H có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà H không được pháp luật thừa nhận nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà H là phù hợp điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung tên Hồ Nguyễn Anh T, sinh năm 2001 đã trưởng thành và Nguyễn Hồ Minh P, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2007 hiện đang sống với bà H, nay ông T đồng ý để bà H nuôi con nhỏ là Nguyễn Hồ Minh P, bà H không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, tùy nguyện vọng của con. Xét thấy, cháu P hiện đang sống với bà H đã lâu dài và ổn định, cần được sự chăm sóc của bà H nhiều hơn và tránh sự xáo trộn cuộc sống của cháu P. Do đó giao cháu P cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp nguyện vọng của cháu P mong muốn được sống với bà H. Về cấp dưỡng nuôi con: bà H không có ý kiến, yêu

cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hồ Thanh T và bà Nguyễn Thị Mỹ H.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao 01 con chung tên Nguyễn Hồ Minh P, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2007 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Hồ Thanh T do bà Nguyễn Thị Mỹ H không yêu cầu.

2.3 Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với ông T.

3. Về án phí: Ông Hồ Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010116 ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C; ông T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ông T, bà H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;

- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

